TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** **TỈNH HÀ TĨNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 31/ 3/2022.
V/v "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Lê Văn Phú.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ông Phan Văn Tiến và Ông Trịnh Xuân Minh.

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Bích Khuyên - Thư ký Toà án nhân dân huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh *tham gia phiên toà*: Ông Nguyễn Đình Khoa - Kiểm sát viên.

Ngày 31/ 3/2022, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện H, tỉnh Hà Tĩnh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 06/2022/TLST-HNGĐ ngày 17/01/2022 về việc "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2022/QĐXX - HNGĐ ngày 07/3/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 377/2022/QĐST-HNGĐ ngày 25/3/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị T. Sinh năm 1995.

Địa chỉ: Xóm 7, xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Anh Phan Khắc B. Sinh năm 1991.

Địa chỉ: Xóm 7, xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị T trình bày:

Về tình cảm: Chị Trần Thị T và anh Phan Khắc B đăng ký kết hôn vào ngày 29/5/2015 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng về sống tại xóm 7, xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian đến tháng 04/2021 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh B không lo làm ăn, thường xuyên uống riệu, về nhà thường xuyên cải cọ, không có trách nhiệm với gia đình dẫn đến vợ chồng sống không có hạnh phúc, thường xuyên bất hòa quan điểm sống, không

thể chia sẻ cùng nhau, không thể tìm được tiếng nói chung. Chị T không thể chịu đựng thêm được nữa, chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sống từ tháng 5/2021 cho đến nay, vợ chồng sống ly thân đã cắt đứt mọi quan hệ. Nay chị T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị T được ly hôn với anh B.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung, chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho được nuôi con. Về cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Phan Khắc B *tại bản tự khai ngày 11/02/2022 và tại phiên hòa trình bày:*

Về điều kiện, thời gian và nơi đăng ký kết hôn của vợ chồng đúng như chị T đã trình bày là đúng. Vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu năm 2021 thì xảy ra mâu thuẫn với lý do chồng có uống riệu, thi thoảng có xẩy ra cải vã nhau, nay chị T xin ly hôn tôi mong muốn chị T suy nghỉ lai để đoàn tụ. Chị T bỏ đi về bên ngoại sống và sống ly thân với nhau từ tháng 5/2021 đến nay. Nay chị T làm đơn xin ly hôn thì anh B không nhất trí ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng một có con chung, nếu tòa án giải quyết ly hôn anh H xin nhận nuôi con, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng chị T và anh H không thể không thỏa thuận được với nhau về giải quyết toàn bộ nội dung vụ án, nên vụ án phải đưa ra xét xử.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát, kiểm sát việc tuân theo pháp luật có ý kiến như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi Tòa án tiến hành thụ lý đơn, giải quyết vụ án cho đến phiên tòa hôm nay Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS, nguyên đơn thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật, bị đơn thực hiện tương đối đầy đủ các quy định của pháp luật.

- Về ý kiến giải quyết nội dung vụ án: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã thu thập được, đối chiếu với các quy định của pháp luật có cơ sở đề nghị HĐXX:

- Về quan hệ vợ chồng: Áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, khoản 1, 2 Điều 81, khoản 1, 3 Điều 82, Điều 83 Luật HNGĐ năm 2014 chẾp nhËn nội dung đơn khởi kiện của chị Trần Thị T, đồng ý cho chị T ly hôn với anh Bảo.

- Về con cái: Giao con Phan Diễm M, sinh ngày 08/10/2015 cho chị Trần Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con chị T không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản: Các bên đương sự, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Áp dụng khoản 4, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a, khoản 1 Điều 24 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc nguyên đơn chị Trần Thị T phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến vị đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Trần Thị T có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện H giải quyết ly hôn, quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Phan Khắc H có địa chỉ cư trú tại xóm 7, xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H.

[2] Bị đơn anh Phan Khắc H đã biết được tòa án thụ lý vụ án, có mặt tại Tòa án để lấy lời khai, tòa án tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng các bên không thỏa thuận được với nhau. Vì vậy vụ án phải đưa ra xét xử. Tòa án đã triệu tập hợp lệ phiên tòa lần thứ 01 nhưng bị đơn vắng mặt nên hoãn phiên tòa, đã tống đạt hợp lệ quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn. Phiên tòa lần thứ 2 bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T và anh Phan Khắc H kết hôn trên cơ sở tự do, tự nguyện tìm hiểu tiến tới hôn nhân và đã đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh vào ngày 29/5/2015 nên xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Theo chị T trình bày: Sau khi cưới vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được một thời gian ngắn thì bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn. Lý do là anh H không chăm lo làm ăn, bỏ bê gia đình dẫn đến bất hòa quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng vẫn không hàn gắn được tình cảm, chị T đã bỏ về nhà cha mẹ đẻ ở, cắt đứt mối quan hệ tình cảm. HĐXX nhận thấy vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không thể đạt được nữa. Việc chị T làm đơn xin ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, có căn cứ, phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, nên HĐXX chấp nhận.

[4] Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 01 con chung. Tên là Phan Diễm M, sinh ngày 08/10/2015. Chị T, anh H đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con, không bên nào yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Việc giao con chưa chưa thành niên cho cha hoặc mẹ trực tiếp nuôi dưỡng phải xem xét từ việc xem xét hoàn cảnh và điều kiện thực tế của người được trực tiếp nuôi con phải đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con để con phát triển khỏe mạnh, bình thường. Xét thấy việc chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con là chính đáng, đảm bảo đầy đủ điều kiện về mọi mặt để nuôi con, vì cháu là con gái phát triển về tâm sinh tâm sinh lý, mẹ

là phụ nữ nên chăm sóc tốt hơn nên giao cho chị T trực tiếp nuôi là phù hợp với thực tế cũng như ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa. Vì vậy, HĐXX căn cứ vào Điều 58; khoản 1, khoản 2 Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình nên giao con cho chị T nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi. Chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xem xét. Anh H có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được quyền ngăn cấm theo quy định tại Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về quan hệ tài sản chung: Các bên đương sự không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Trần Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 58; Khoản 1, 2 Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 điều 227; khoản 3 điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết quy định về mức thu, nộp, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tuyên xử:

1. Về quan hệ tình cảm: Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị T được ly hôn với anh Phan Khắc H.

2. Về quan hệ con chung: Giao con Phan Diễm M, sinh ngày 08/10/2015 cho chị Trần Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Anh Phan Khắc H được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai có quyền ngăn cản và không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: Chị Trần Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn. Chị T đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0007785 ngày 17/01/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H, nay không phải nộp nữa.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án sơ thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND huyện H;
- Các đương sự;
- UBND xã H;
- Chi cục THADS H;
- Lưu hồ sơ +VP-TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Phú

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**

Phan Văn Tiến **Trịnh Xuân Minh** **Lê Văn phú**